

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ  
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

*Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 06/05/2024*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

*Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu*

**Tập 57**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật! Hôm nay, chúng tôi giảng về vãng sanh bậc trung trong ba bậc vãng sanh. Mời xem kinh văn:

**Bậc trung là người tuy không thể làm sa-môn, tu công đức lớn, song phải phát tâm vô thượng bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, tùy sức mình tu các công đức lành, phụng trì trai giới, khởi lập tháp tượng, dâng cơm cho sa-môn, treo phan đốt đèn, rải hoa đốt hương, đem những việc này hồi hướng nguyện sanh nước kia. Lúc người ấy sắp mạng chung, A-di-đà Phật hóa hiện ra thân với quang minh tướng hảo giống như Phật thật, cùng các đại chúng vây quanh trước sau, hiện trước người đó, nhiếp thọ tiếp dẫn. Lập tức theo hóa Phật, vãng sanh về nước kia, trụ bất thoái chuyển, vô thượng bồ-đề, công đức trí tuệ kém hơn bậc thượng.**

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

***“Bậc trung là người tuy không thể làm sa-môn, tu công đức lớn, song phải phát tâm vô thượng bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, tùy sức mình tu các công đức lành, phụng trì trai giới, khởi lập tháp tượng, dâng cơm cho sa-môn, treo phan đốt đèn, rải hoa đốt hương, đem những việc này hồi hướng nguyện sanh nước kia.”***

Người vãng sanh bậc trung, nếu chẳng thể làm được “tâm xuất gia”, không thể tu tạo công đức lớn, thì cũng phải phát tâm vô thượng bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật. Còn phải tùy theo khả năng của mình mà tu hành các loại công đức, rồi đem những công đức này hồi hướng cầu sanh Tịnh độ Cực Lạc.

“Phụng trì trai giới.” “Trai” là chỉ bát quan trai giới. Công đức của bát quan trai giới rất lớn, có thể chỉ thọ trì trong một ngày. Trong ngày đó: không nằm giường lớn nệm cao, không đắp chăn quá dày rộng, không dùng mỹ phẩm nước

hoa, không xem tivi, không nghe ca nhạc, và quá ngọ không ăn. “Giới” gồm năm giới, tám giới, giới Bồ-tát, giới sa-di, giới tỳ-kheo v.v.. Một khi đã thọ giới thì phải hộ trì cho tốt, vì tội phá giới là cực lớn. Mọi người nhất định phải thực tế, mình ở thân phận nào thì thọ giới đó. Năm xưa đại sư Ngẫu Ích đã thoái giới tỳ-kheo, bởi vì ngài hết lòng giữ giới, chứ không ham chuộng hư danh.

“Khởi lập tháp tượng.” “Tháp” dùng để thờ cúng xá-lợi. “Tượng” chỉ cho tượng Phật. Thuở xưa khi Thế Tôn lên cung trời thuyết pháp cho thân mẫu, nhà vua vì quá thương nhớ Phật nên đã dùng gỗ chiên-đàn khắc thành tượng Phật. Khi Thế Tôn từ thiên cung trở về, pho tượng gỗ này còn bước ra nghênh đón ngài. Pho tượng Phật bằng gỗ ấy sau này được đưa về Bắc Kinh, thờ tại chùa Chiên-đàn gần Bắc Hải. Vào thời nhà Thanh, do chùa bị hỏa hoạn nên tượng Phật gỗ đã bị thiêu rụi. Hiện nay trong Cố Cung vẫn còn bức họa về pho tượng Phật gỗ này, vô cùng trang nghiêm.

“Dâng cơm cho sa-môn” chính là cúng dường người xuất gia. Trong Hội Sớ nói: Cho dù đem trân bảo trong bốn thiên hạ ra bố thí, cũng không bằng thỉnh một vị sa-di thanh tịnh dùng một bữa cơm. Công đức trai tăng lớn đến như vậy! Một vị sa-di thanh tịnh không những giữ giới thanh tịnh mà còn phải “nhận được tâm, thông được gốc”.

“Treo phan đốt đèn.” “Phan” là chỉ cho tràng phan trước điện Phật. “Đốt đèn” là thắp đèn, đốt nến.

“Rải hoa đốt hương.” “Rải hoa” là rải hoa tươi lên thân Phật để cúng dường. Quý thần hoàn toàn không tương ưng với Phật pháp. Đối với hoa và hương, chư Phật vô cùng hoan hỷ, nhưng quý thần nhìn vào lại chán ghét như nhìn thấy phân vậy.

“Dem những việc này hồi hướng nguyện sanh nước kia.” Người cầu vãng sanh cần phải đem tất cả công đức đã làm hồi hướng về thế giới Cực Lạc để cầu sanh Tịnh độ. Có một người từng nói với Hạ Liên lão rằng: “Con muốn trì chú Chuẩn Đề.” Hạ lão hỏi: “Vì sao vậy?” Người đó nói: “Con muốn làm thủ tướng nội các.” Sau này vào thời quân phiệt hỗn chiến, người đó quả thực đã làm thủ tướng nội các một thời gian. Tuy nhiên hết sức đáng tiếc, ông ấy không biết mục đích của việc làm công đức. Kệ phát nguyện của tông chủ Từ Chiếu có viết: “Trì giới không tín nguyện, chẳng được sanh Tịnh độ, chỉ được phước trời người, phước hết chịu luân hồi... Phát nguyện trì giới lực, hồi hướng sanh Cực Lạc, hành trì được như thế, ngàn người không sót một.” Trì giới mà không có tín và nguyện

thì không thể sanh Tịnh độ, chỉ đạt được phước báo cõi trời và người; khi phước hết rồi vẫn phải chịu luân hồi. Nếu có thể vừa phát nguyện, vừa trì giới, dùng những điều này hồi hướng Cực Lạc, thì ngàn người tu ngàn người sanh. Trong Hội Sớ nói: Việc hồi hướng các nghiệp thiện đã làm sẽ trở thành cái “nhân” để vãng sanh Cực Lạc. Nếu như không hồi hướng thì chỉ tăng thêm chút phước báo mà thôi. Do đó, hồi hướng và phát nguyện là hai điều tuyệt đối không thể thiếu.

Đoạn nhỏ thứ hai:

***“Lúc người ấy sắp mạng chung, A-di-đà Phật hóa hiện ra thân với quang minh tướng hảo giống như Phật thật, cùng các đại chúng vây quanh trước sau, hiện trước người đó, nhiếp thọ tiếp dẫn. Lập tức theo hóa Phật, vãng sanh về nước kia, trụ bất thoái chuyển, vô thượng bồ-đề, công đức trí tuệ kém hơn bậc thượng.”***

Người vãng sanh bậc trung được hóa thân của A-di-đà Phật đến tiếp dẫn. Tướng hảo và quang minh của hóa Phật cũng giống hệt như Phật thật. Trong Viên Trung Sao nói: Phật thật là ứng thân của A-di-đà Phật, còn hóa thân là từ ứng thân mà hóa hiện ra. Trong Hội Sớ nói: Phật thật là vị Phật mà người vãng sanh bậc thượng nhìn thấy; còn vị Phật do đức Phật này hóa hiện ra chính là hóa Phật. Xét về thực tế thì pháp thân, báo thân và hóa thân đều là một thể, chỉ khác nhau ở tên gọi mà thôi. Hai cách nói này có thể tồn tại song song, hoàn toàn không mâu thuẫn.

Có lẽ sẽ hỏi: Quán kinh nói người chủng tánh Nhị thừa cũng có thể vãng sanh, thế nhưng Vãng Sanh Luận lại nói chủng tánh Nhị thừa không được sanh. Vấn đề này giải thích thế nào? Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: Chủng tánh Nhị thừa không được sanh là nói trước khi vãng sanh. Người thuộc Nhị thừa lúc sắp mạng chung nếu có thể phát khởi tâm Đại thừa thì vẫn có thể vãng sanh như thường. Thế nào là Nhị thừa? Chỉ lo cho cá nhân, chỉ muốn bản thân được lợi ích. Thế nào là phát tâm Đại thừa? Là “hết một báo thân này, cùng sanh nước Cực Lạc”. Chỉ có phát khởi tâm lợi tha thì mới có thể tương ứng với đại nguyện của Di-đà, đó mới gọi là phát tâm Đại thừa. Người Nhị thừa lúc sắp mạng chung, nếu vẫn không phát khởi tâm Đại thừa thì như vậy không vãng sanh được. Lại hỏi: Người vãng sanh đều phát tâm Đại thừa, vì sao có người vãng sanh rồi chỉ đắc quả Tiểu thừa? Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: Có những người vãng sanh, lúc sanh tiền họ tu pháp Tiểu thừa, nên sau khi vãng sanh họ chứng quả Tiểu thừa trước, đây cũng là lẽ tự nhiên.

Tóm lại mà nói, vãng sanh bậc trung gồm có bảy điều:

1. Phát tâm vô thượng bồ-đề.
2. Nhất hướng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ.
3. Tùy sức tu thiện, phụng trì trai giới.
4. Khởi lập tháp tượng.
5. Dâng cơm cho sa-môn.
6. Treo phan, đốt đèn, rải hoa, đốt hương.
7. Đem những việc này hồi hướng, nguyện sanh nước kia.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Bậc hạ là người giả sử không thể làm các công đức, song phải phát tâm vô thượng bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, hoan hỷ tin ưa, không sanh nghi hoặc, dùng tâm chí thành nguyện sanh nước kia. Người này lâm chung mộng thấy Phật ấy cũng được vãng sanh, công đức trí tuệ kém hơn bậc trung.**

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

***“Bậc hạ là người giả sử không thể làm các công đức, song phải phát tâm vô thượng bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, hoan hỷ tin ưa, không sanh nghi hoặc, dùng tâm chí thành nguyện sanh nước kia.”***

Người vãng sanh bậc hạ có nhân duyên hơi kém một chút, công việc bận rộn, không thể tu tạo nhiều loại công đức, nhưng buộc phải phát tâm bồ-đề và nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật. Có thể thấy, phát tâm bồ-đề chính là mấu chốt để vãng sanh Tịnh độ. Bất kể tu pháp môn nào, nếu không phát tâm bồ-đề thì căn bản không thể tương ưng với pháp Đại thừa.

“Hoan hỷ tin ưa, không sanh nghi hoặc, dùng tâm chí thành nguyện sanh nước kia.” Đối với pháp môn Tịnh độ, vô cùng hoan hỷ, không sanh tâm nghi hoặc, dùng tâm chí thành để cầu sanh Tịnh độ. Câu “không sanh nghi hoặc” vô cùng quan trọng. Không những là phải tin tưởng, mà còn phải không sanh nghi hoặc. “Nghi hoặc” có hai hàm nghĩa:

1. Hoài nghi không biết có thể giới Cực Lạc hay không? Niệm Phật có thể vãng sanh không?
2. Hoài nghi không biết căn tánh của mình liệu có được không? Niệm như thế này có được vãng sanh không?

Nếu vẫn còn những nghi hoặc này thì cao nhất là sanh về biên địa nghi thành. Nhân đó thấy rằng, muốn vãng sanh Tịnh độ, vừa phải phát tâm bồ-đề, vừa phải hoan hỷ tin ưa, còn phải không sanh nghi hoặc. Những điều kiện này đều vô cùng quan trọng.

Đoạn nhỏ thứ hai:

***“Người này lâm chung mộng thấy Phật ấy cũng được vãng sanh, công đức trí tuệ kém hơn bậc trung.”***

Người này lúc lâm chung, mộng thấy đức Phật ấy, cũng có thể được vãng sanh, nhưng công đức trí tuệ kém hơn người bậc trung một chút. “Mộng thấy Phật ấy” có hai cách giải thích:

1. Sư Vọng Tây nói: Hành nhân lúc tu hành từng mộng thấy A-di-đà Phật; còn lúc lâm chung là tận mắt nhìn thấy A-di-đà Phật. Vì sao nói như vậy?

Một là, đức Phật ấy có nguyện “lâm chung tiếp dẫn”. Nếu đối với người bậc hạ mà ngài không đến tiếp dẫn thì không phù hợp với nguyện lực của ngài.

Hai là, hạng hạ phẩm trong Quán kinh đều là người ác. Đối với người ác mà Phật còn đến tiếp dẫn, huống hồ bậc hạ trong kinh này đều là người thiện.

Ba là, hai bản dịch thời Hán và thời Ngô đều nói bậc thượng và bậc trung đều có thuyết mộng thấy Phật tiếp dẫn, nên bậc hạ cũng là như vậy.

2. Trong Hội Sớ nói: Người hạ phẩm trong Quán kinh khi thấy địa ngục hiện tiền, lập tức phải vào vạc dầu thì vô cùng kinh hãi. Nếu không có Phật đến tiếp dẫn, làm sao có thể niệm ra mười tiếng Phật hiệu. Tuy là Phật đến tiếp dẫn, nhưng người này đang ở trong trạng thái kinh hãi, thế nên hoảng hốt như ở trong mộng.

Tóm lại mà nói, “mộng thấy Phật ấy” có hai cách giải thích:

Một là trước đây từng mộng thấy Phật, lúc lâm chung lại tận mắt thấy Phật đến tiếp dẫn.

Hai là lúc sắp mạng chung, nhờ được Phật gia trì mà hành nhân mới có thể niệm ra Phật hiệu, do đang ở trong trạng thái kinh hãi, cho nên hoảng hốt như ở trong mộng.

Lâm chung mộng thấy Phật, còn bản thân có thể nhìn thấy rõ ràng hay không thì tình hình cũng không như nhau. Xin nêu một ví dụ thực tế: một lão cư sĩ và một công chức cùng đi công tác đến núi Phổ Đà. Lúc đó có quy định, tất cả

công chức đều không được dập đầu lễ bái. Vị lão cư sĩ đó ở trước động Phạm Âm thấp thoáng nhìn thấy Quan Âm Bạch Y, nhưng anh công chức kia lại nhìn thấy Bồ-tát Quan Thế Âm một cách vô cùng rõ ràng, lại còn quỳ xuống dập đầu liên tục. Có thể thấy, do căn khí của mỗi người khác nhau nên việc lâm chung thấy Phật, có nhìn rõ hay không thì tình hình của mỗi người không như nhau.

Có người hỏi: lúc lâm chung, vị đến tiếp dẫn là Phật hay là ma? Trong kinh Xung Dương Chư Phật Công Đức nói: Lúc lâm chung, chỉ cần nhất tâm tin ưa, niệm niệm không quên, A-di-đà Phật sẽ hiện thân trước mặt người đó. Lúc này ma không thể quấy nhiễu, không thể phá hoại tâm chánh giác của bạn. Kinh Cổ Âm Vương nói: “Nếu bốn chúng đệ tử có thể thọ trì danh hiệu đức Phật ấy, lúc lâm chung, A-di-đà Phật liền cùng đại chúng đến chỗ người đó, khiến người ấy được nhìn thấy.” Lúc sắp mạng chung, nhờ có Phật lực gia trì nên người vãng sanh đều có thể thấy Phật đến tiếp dẫn.

Có người hỏi: Như Lai là “không từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu”. Nếu nói Phật đến tiếp dẫn chẳng phải là có đến có đi sao? Nay dẫn chứng trước tác của ba vị đại sư để giải thích vấn đề này:

1. Đại sư Liên Trì nói trong Sớ Sao: Do hành nhân và Phật có sự cảm thông, nên sẽ cảm ứng đạo giao, chẳng ngại việc “không đến mà đến, không thấy mà thấy”. Phật không khởi tâm tiếp dẫn nhưng ngài vẫn đến; người vãng sanh không khởi tâm thấy Phật nhưng vẫn nhìn thấy.

Đại sư Vĩnh Minh nói: “Như huyễn không thật, nên cả tâm và Phật đều quên.” Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, thế nên tâm và Phật cả hai đều quên. Đại sư lại nói: “Chẳng phải không có huyễn tướng, nên tâm và Phật chẳng hoại.” Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức là thấy Như Lai, chẳng phải là không có những huyễn tướng này, mà là thấy tướng nhưng không chấp tướng, không sanh khởi tri kiến về tướng, thì thấy Như Lai. Dẫn cho tâm, Phật và chúng sanh đều là “không”, nhưng cũng chẳng xả bỏ huyễn tướng của tâm, Phật và chúng sanh. Do vậy, Phật chẳng đến mà đến, người vãng sanh chẳng thấy mà thấy, như vậy thì sự và lý liền viên dung.

Đại sư Vĩnh Minh lại nói: “Pháp thân chân Phật, vốn không sanh diệt. Từ nơi chân khởi ra biến hóa, tiếp dẫn căn tánh mê lầm.” Từ pháp thân hóa hiện ra báo thân, từ báo thân lại hóa hiện ra ứng thân để tiếp dẫn căn tánh mê lầm. Đây là diệu dụng cứu độ chúng sanh của Phật, cũng chính là công đức bản nguyện của Phật. Phải biết tâm mình trải khắp mười phương, chẳng có một đức Phật nào

không ở trong tâm mình. Chúng sanh có duyên, chuyên tâm nhớ Phật niệm Phật, cùng với Phật cảm ứng đạo giao, nên trong tâm thấy Phật đến tiếp dẫn. Chúng sanh thấy có đến có đi, như ảnh trong gương, chẳng trong chẳng ngoài; như việc trong mộng, chẳng phải có chẳng phải không. Thế nên dứt đường ngôn ngữ, ngôn ngữ chẳng còn đủ dùng nữa rồi. “Nước trong thì trắng tự đến, tâm tịnh thì Phật tự hiện.” Mặt nước vừa lặng trong, ánh trăng tự nhiên hiển hiện, trăng không cần phải chạy đến mặt nước, nước cũng không cần phải chạy đến chỗ của trăng. Trong tâm hiện ra Phật đến, cũng là như thế, cảm ứng đạo giao, không thể nghĩ bàn.

2. Đại sư U Khê nói trong Viên Trung Sao: Hễ thấy Phật, ắt phải luận từ sự cảm ứng. Nếu như bình thường là người tu Thiền, hoặc người tu Không quán, thì những tướng nhìn thấy chính là ma cảnh. Bởi vì pháp đang tu là không, đột nhiên hiển hiện ra tướng, không tương ứng với pháp đang tu, nên bị xem là ma cảnh. Hoặc là do công phu tu trì hiển hiện, cũng có thể là tâm Phật tự hiện, nhưng nhất định vẫn phải quán không, kiên quyết không được dao động. Nếu là người niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, lâm chung thấy Phật, đây chính là tướng lành của cảm ứng đạo giao, lẽ tự nhiên là như vậy. Do vậy, sự hiển hiện của Phật phải dựa vào pháp môn đang tu mà luận định. Nếu không hiểu rõ điều này mà bàn xằng luận bậy, chẳng những tự chướng ngại mình mà còn chướng ngại người khác.

3. Đại sư Ngẫu Ích nói trong Yếu Giải: Mười vạn ức cõi Phật chẳng ra ngoài một niệm tâm của hành giả, hết thấy đều ở trong tâm mình, lại có sự tiếp dẫn của Phật lực nơi tự tâm, làm sao không vãng sanh cho được? Đây không chỉ dựa vào Phật tự tâm, mà còn có sự tiếp dẫn của Phật bên ngoài. Điều này vừa vượt ngoài tình kiến, lại vừa phù hợp với thực tế, trong tự lực có tha lực, trong tha lực còn có tự lực. Ví như tấm gương có thể đồng thời chiếu ra nhiều tầng núi sông lầu các. Nó chẳng phải là chiếu cây kim hương trước, rồi mới chiếu cây tùng, sau cùng mới chiếu đại điện. Mà là chiếu cùng một lúc, đồng thời xuất hiện, không có trước sau. “Cõi đó có Phật, hiệu là A-di-đà, nay hiện đang thuyết pháp”, cũng là như thế. “Người đó lúc sắp mạng chung, A-di-đà Phật cùng các thánh chúng hiện ở trước mặt người ấy”, cũng chính là như thế.

Những lời các vị tổ sư nói ở trên đều tương thông với Thiền tông, chính là từ trong đại quang minh tạng tự nhiên lưu xuất ra. Dẫu rằng “tự và tha không hai”, nhưng lại “tự và tha rõ ràng”. Bởi vì “tự và tha không hai”, nên đức Phật đến tiếp dẫn chính là Phật của tự tâm. Lại bởi vì “tự và tha rõ ràng”, nên tuy Phật cũng chẳng đến, người vãng sanh cũng chẳng đi, song lại hiện ra rõ ràng việc Phật đến tiếp dẫn vãng sanh nước Cực Lạc. Đây chính là pháp môn Đại thừa, sự lý

viên dung, tự tại vô ngại. Chỉ cần có thể ngưỡng tin, nhất định sẽ đạt được lợi ích vô lượng. Nếu chấp vào sự mà mê mờ lý thì thể hội sẽ rất nông cạn. Nếu chấp vào lý mà bỏ rơi sự, ngược lại sẽ chiêu cảm cái họa rơi vào “không”. Thế nên, vừa phải chú trọng sự, lại vừa phải chú trọng lý.

Tóm lại mà nói, vãng sanh bậc hạ gồm có ba điều:

1. Phát tâm bồ-đề.
2. Nhất hướng chuyên niệm.
3. Chí thành nguyện sanh.

Tiếp theo, chúng tôi bắt đầu giảng về việc vãng sanh của “ba bậc nhất tâm”.

Mời xem kinh văn:

**Nếu có chúng sanh trụ nơi Đại thừa, dùng tâm thanh tịnh, hướng Vô Lượng Thọ, cho đến mười niệm nguyện sanh nước ấy, nghe pháp thậm thâm liền sanh tín giải, cho đến đạt được nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm đức Phật ấy. Người này lúc sắp mạng chung thấy A-di-đà Phật như ở trong mộng, nhất định sanh nước ấy, được bất thoái chuyển, vô thượng bồ-đề.**

Đoạn kinh văn này không thuộc về nội dung của ba bậc vãng sanh, nó nằm ngoài ba bậc vãng sanh, là một loại đặc biệt khác vượt trên các quy tắc thông thường. Lão pháp sư Từ Châu là một trong ba vị cao tăng lớn của vùng Hoa Bắc, ngài có khoa phán đối với bản kinh này là “ba bậc nhất tâm”. Đây là sự lưu lộ từ nơi tâm quang của lão pháp sư Từ Châu, mang phong cách độc đáo riêng trong Tịnh tông. Đoạn kinh văn này người xưa chưa từng chú giải, Hoàng Niệm lão đã từ bi dựa trên khoa phán của lão pháp sư Từ Châu mà làm chú giải cho đoạn kinh văn này. Nội dung của đoạn kinh văn này giảng về việc mười niệm hoặc một niệm đều có thể vãng sanh.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

***“Nếu có chúng sanh trụ nơi Đại thừa, dùng tâm thanh tịnh, hướng Vô Lượng Thọ, cho đến mười niệm nguyện sanh nước ấy, nghe pháp thậm thâm liền sanh tín giải, cho đến đạt được nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm đức Phật ấy.”***

“Nếu có chúng sanh trụ nơi Đại thừa.” Trong Báo Ân Luận nói: Mười niệm vãng sanh là chuyên chỉ cho người Đại thừa mà nói. Đã có thể an trụ nơi Đại thừa

thì đương nhiên không phải hàng phàm phu. Vì sao vậy? Điều này còn cao hơn cả phát tâm Bồ-đề; phát tâm Bồ-đề là sơ phát tâm, phải dần dần tăng trưởng mới có thể trụ nơi Đại thừa. Theo Thiên tông mà nói, chính là người đã khai ngộ phá được sơ quan; theo Giáo hạ mà nói, chính là người đã đại khai viên giải. Đối với người tụng đọc kinh điển Đại thừa, đây không phải là hiểu biết một chút ít, mà là trong sát-na cảm ứng đạo giao, bỗng nhiên bừng sáng, đây chính là điều thường gọi là *tông thông*<sup>1</sup>.

“Dùng tâm thanh tịnh, hướng Vô Lượng Thọ, cho đến mười niệm nguyện sanh nước ấy, nghe pháp thậm thâm liền sanh tín giải.” “Tâm thanh tịnh” là chỉ cho tâm thuần tịnh không nhiễm ô, không tạp cấu, không hoài nghi, dùng tâm này hồi hướng về Tịnh độ Cực Lạc, cho dù chỉ có mười niệm nguyện sanh nước ấy. Nghe pháp thậm thâm này liền hoan hỷ tin ưa, không sanh nghi hoặc.

“Mười niệm” có ba hàm nghĩa:

1. Pháp thập niệm của Bồ-tát trong kinh Di-lặc Phát Ván. Đây là điều phàm phu thông thường không làm được.

2. Pháp thập niệm. Bình thường niệm mười hơi.

3. Niệm mười câu. Lúc lâm chung niệm mười câu Phật hiệu.

“Cho đến đạt được nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm đức Phật ấy.” “Nhất niệm tịnh tâm” là chỉ cho nhất niệm. “Nhất niệm tâm” là chỉ nhất tâm. Nhất niệm và nhất tâm thực chất là một việc. Trong Giáo Hành Tín Chứng nói: nhất tâm chính là niềm tin không hai lòng, hễ có hai liền thành mâu thuẫn và đối lập. Tâm này là nhân chân thật của cõi Thật báo trang nghiêm thanh tịnh. Lấy thanh tịnh làm nhân, chắc chắn sẽ đắc quả thanh tịnh. Có thể thấy, nếu có thể đạt đến nhất tâm hoặc nhất niệm, thì chính là cái nhân của báo độ thanh tịnh. Có thể vãng sanh đến cõi Thật báo trang nghiêm, chứng được báo thân Phật, lại còn có thể phân chứng cõi Thường tịch quang và pháp thân. Người có trí tuệ sắc bén, tín tâm kiên cố như vậy, chắc chắn là bậc thuộc chủng tánh Bồ-tát.

Tín Tâm Minh nói: “Tín tâm không hai, không hai tín tâm, dứt đường ngôn ngữ, chẳng quá khứ, vị lai, hiện tại.” Khi tín tâm đạt đến chỗ không hai, ngôn ngữ không cách nào diễn tả được nữa, lìa hết thảy các tướng sai biệt; quá khứ, hiện tại, vị lai ba đời như một. Ông Einstein cũng nói: Thời gian, không gian, vật chất là cảm nhận sai lầm của nhân loại. Tất cả những thứ này căn bản không hề có,

---

<sup>1</sup> Tông thông: Trong Thiên tông, nếu thông đạt tông chỉ sâu kín thì gọi là *tông thông*; còn đối diện đại chúng thuyết pháp một cách tự tại gọi là *thuyết thông*. Ai làm thầy người thì phải đầy đủ cả tông thông và thuyết thông.

đều là cảm nhận sai lầm của loài người. Phật nói, hết thảy những thứ này đều do vọng tưởng của chúng sanh tạo ra. Do vậy, tín tâm không hai không thể nghĩ bàn, cho nên có được nhất niệm tịnh tín thì có thể tùy nguyện vãng sanh. Khi đạt đến nhất tâm, sẽ có năng lực phục hoạt, có thể đột phá mọi chướng ngại. Do đó, lúc sắp mạng chung, chánh niệm hiện tiền, chắc chắn vãng sanh Tịnh độ.

“Nhất tâm” bao gồm hai loại:

1. Sự nhất tâm. Trong Di-đà Sớ Sao nói: Thường nhớ niệm danh hiệu, từng chữ rõ ràng; câu trước câu sau nối nhau không dứt; đi đứng nằm ngồi chỉ một niệm này, không có niệm thứ hai, không bị mọi thứ làm loạn, gọi là sự nhất tâm.

2. Lý nhất tâm. Không chỉ nhớ niệm danh hiệu, mà còn quay vào bên trong để thẩm xét thấu đáo nguồn gốc cái tâm đang niệm. Khi nhận biết thấu đáo đến chỗ cùng cực, bỗng nhiên khế hợp với bản tâm, đốn ngộ bản tâm, gọi là lý nhất tâm. Điều này hoàn toàn tương đồng với việc tham cứu của Thiên tông.

Có người sẽ hỏi: Một niệm hoặc mười niệm của Tịnh tông là sự niệm hay lý niệm? Trong Quán kinh nói: Một niệm hoặc mười niệm là chỉ cho việc niệm một tiếng hoặc mười tiếng Phật hiệu. Ngài Bành Tế Thanh nói: Lúc sắp mạng chung, nếu thực sự sám hối, dùng tâm thanh tịnh, cho dù chỉ niệm một câu Phật hiệu thì không ai không vãng sanh. Đây là nhờ vào sức bốn nguyện của Phật.

Trong Sớ Sao, đại sư Liên Trì giải thích vấn đề này rất sâu sắc. Đại sư Liên Trì nói, chí tâm niệm Phật một tiếng, diệt được tội nặng sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Vì sao vậy? Người phạm tội ngũ nghịch thập ác sắp sửa bị bỏ vào vạc dầu để chiên, cảnh tượng thê thảm không nỡ nhìn. Trong giờ phút ngàn cân treo sợi tóc ấy, có người bảo họ rằng niệm Phật có thể khỏi phải vào vạc dầu; lúc này tâm niệm Phật sẽ như thế nào? Mọi vọng tưởng đều không còn nữa, ý niệm duy nhất chính là liễu mạng niệm Phật để không vào vạc dầu! Niệm Phật như vậy có thể đạt đến lý nhất tâm. Phật pháp không thể nghĩ bàn chính là ở chỗ này, không luận về thâm niên tu hành mà luận về thực tế. Khi đạt đến lý nhất tâm, tất cả đều buông xuống, bản tâm tự nhiên hiển lộ, lúc này một tiếng Phật hiệu là một tiếng lòng, mỗi câu đều là lý nhất tâm. Cho nên, pháp đốn và pháp tiệm hoàn toàn khác nhau, không cần phải tu hành qua bao nhiêu đời kiếp.

Hoàng Niệm lão nói, tu hành giống như đun nước sôi, nước chưa sôi mà đã dừng lại thì có đun một vạn năm cũng không sôi được. Chỉ cần đun sôi được một lần, cho dù để nguội thì cũng là nước sôi để nguội. Nếu không để nó sôi được một lần thì thực chất là đang tự gạt mình. Sự nhất tâm tuy có thể diệt tội nhưng

sức mạnh rất yếu, dù niệm rất nhiều nhưng diệt tội lại rất ít. Chí tâm niệm Phật thuộc về lý nhất tâm, chỉ cần tâm vừa bừng sáng, mọi nghiệp chướng liền tan biến sạch không. Ví như: căn phòng tối tăm cả ngàn năm, chỉ cần một ánh đèn soi vào, bóng tối trong sát-na liền biến mất. Có thể thấy, công đức của nhất niệm tinh tâm thật không thể nghĩ bàn.

Thế nào là chí tâm? Trong Vô Lượng Thọ Kinh Tông Yếu nói: Ví như có kẻ ác đuổi giết bạn, phía trước có con sông chặn mất lối đi, lúc này ý niệm duy nhất chính là làm sao để qua sông. Chỉ một niệm này, không còn niệm nào khác, bèn gọi là chí tâm. Niệm Phật như thế, cho dù chỉ mười niệm nối nhau, thậm chí là một niệm, đều có thể vãng sanh Tịnh độ. Người phạm ngũ nghịch thập ác, lâm chung một niệm cũng có thể vãng sanh, đây chính là công đức bản nguyện không thể nghĩ bàn của đức Di-đà. Chúng sanh chỉ có dựa vào phương pháp này mới có thể thực sự thoát ly sanh tử. Đặc biệt là trong thời đại hiện nay, mọi người đều bận rộn, nếu muốn thoát ly sanh tử mà rời khỏi pháp môn Tịnh độ thì không mấy khả thi. Chí tâm xưng danh, tức thời lìa khỏi vọng hoặc, nhập vào lý nhất tâm, chính là Bồ-tát Địa thượng. Có thể thấy, công đức của chí tâm xưng danh thật không thể nghĩ bàn.

Có người nói, đã là mười niệm một niệm đều có thể vãng sanh, vậy thì cứ đợi đến lúc lâm chung hãy niệm. Cách nghĩ này là một sai lầm nghiêm trọng. Trong Di-đà Yếu Giải nói: Nếu không có công phu tu trì lúc thường ngày, lâm chung làm sao có được mười niệm hay một niệm. Người phạm ngũ nghịch thập ác do thiện căn đời trước chín muôi nên lâm chung cảm ứng gặp được bạn lành, nghe danh hiệu liền có thể sanh khởi tín nguyện. Đây là trong vạn người khó được một người! Sao có thể ôm giữ tâm lý cầu may như vậy. Thế thì bình thường nên niệm như thế nào?

Đại sư Ngẫu Ích nói: vị Phật hiện đang được niệm vốn dĩ vượt ngoài tình kiến, không cần phải bàn huyền nói diệu làm gì. Chỉ cần niệm từng câu tiếp nối, một ngày đêm niệm 50.000 hoặc 30.000, lấy việc nhất định không thiếu sót làm chuẩn, cả đời quyết không thay đổi, nếu không được vãng sanh thì ba đời chư Phật đều là nói dối. Đương nhiên có một tiền đề là phải đầy đủ tín nguyện. Hiện nay, Hoàng Niệm lão đã hạ xuống còn 10.000, nếu ngay cả 10.000 cũng không chịu niệm thì như vậy chẳng dễ giải quyết. Bạn vừa muốn có kết quả, lại vừa không muốn dụng công, đó chính là tự mình lừa mình.

Đại sư lại nói: Muốn đạt đến nhất tâm bất loạn, không có cách nào khác. Lúc mới bắt đầu hạ thủ, cần phải dùng chuỗi niệm Phật. Chuỗi niệm Phật có một

cái lợi là nó có thể luôn nhắc nhở bạn; nếu muốn Phật không rời miệng, trước hết chuỗi chớ rời tay. Đây là cách làm công phu thiết thực nhất. Người thực sự dụng công, sau khi công phu dần dần thuần thục sẽ xuất hiện cảnh giới không niệm mà tự niệm. Cảnh giới này không phải thường xuyên xuất hiện, chỉ thỉnh thoảng hiện ra; nếu thường xuyên xuất hiện thì có cầm chuỗi hay không cũng không quan trọng.

Đại sư Đạo Xước nói: Người mới tu nếu vừa bắt đầu đã muốn phá tướng, do vì tin không sâu nên hành trì cũng sẽ không đắc lực. Mọi người đừng quan tâm đến có phá tướng hay không, chỉ cần nương vào tướng mà chuyên chí niệm tới thì không ai không vắng sanh; nếu không thể phá tướng thì chúng tỏ trình độ thấp hơn một chút, nhưng nếu có thể thật thà niệm tiếp tục thì tự nhiên thâm hợp đạo màu, khéo nhập vô sanh.

Đoạn nhỏ thứ hai.

***“Người này lúc sắp mạng chung, thấy A-di-đà Phật như ở trong mộng, nhất định sanh nước ấy, được bất thoái chuyển, vô thượng bồ-đề.”***

“Thấy A-di-đà Phật như ở trong mộng.” Nay căn cứ theo khoa phán “ba bậc nhất tâm” của lão pháp sư Từ Châu để giải thích câu kinh văn này.

Bậc thượng là sớm đã đoạn hết tình chấp sanh tử, không còn khác biệt giữa sanh và tử, thánh và phàm. Dầu biết rõ Phật không có đến đi, nhưng vẫn thấy Phật đến tiếp dẫn. Tuy thấy Phật đến tiếp dẫn, nhưng sớm đã thấu đạt rằng Phật không có đến, chính mình cũng không có đi; tuy thấu đạt sanh tử vốn là không, nhưng vẫn xả bỏ Ta-bà, cầu sanh Cực Lạc. Tất cả những điều này đều như mộng huyễn, nên gọi là “như ở trong mộng”.

Bậc trung là thấu đạt hết thấy pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng, đối với hết thấy thế gian, vợ con không chút lưu luyến. Lúc sắp mạng chung, nhìn thấy nỗi khổ của yêu thương phải chia lìa trong thế gian giống như mộng huyễn.

Bậc hạ là lúc này thấy Phật đến tiếp dẫn, trong tâm chẳng phải hết sức tỏ tường, mà giống như ở trong mộng. Trình độ này thì tương đối thấp.

Bậc thượng thì phần “chứng” nhiều, bậc trung thì phần “ngộ” nhiều.

Cả ba loại người trên đây đều có thể “nhất định sanh nước ấy, được bất thoái chuyển”.

Bên trên đã giảng về hai loại vắng sanh:

Một là ba bậc vãng sanh, đều là phát tâm bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm. Đây chính là tông chỉ của kinh này.

Hai là ba bậc nhất tâm. Nhất niệm tịnh tín, nhất niệm vãng sanh, đều là nhờ vào nhất niệm. Nhất niệm chính là thật tướng, tức là thể của kinh này. “Nhất niệm tịnh tâm” toàn thể chính là “tâm bồ-đề”; “niệm đức Phật ấy” chính là “nhất hướng chuyên niệm”.

Nhân đây có thể biết: ba bậc vãng sanh và ba bậc nhất tâm là đồng nhất.

Kinh Pháp Cỗ nói: “Nếu người lâm chung không thể khởi niệm, chỉ biết phương đó có Phật, có ý muốn vãng sanh, cũng được vãng sanh.” Có những người lúc lâm chung vô cùng đau đớn, căn bản là không cách nào niệm Phật được. Nếu niệm không ra tiếng, có thể niệm thầm sáu chữ hoặc bốn chữ, thậm chí niệm một chữ, còn có thể dùng tay viết chữ Phật. Những cách này đều có thể vãng sanh. Là do bản thân không đủ sức niệm Phật, nhưng đã nỗ lực hết sức mình rồi, đức Như Lai đều hay đều thấy. Do đó, có thể vãng sanh hay không, không phải xem điều kiện của bạn, mà là xem phát tâm của bạn. Bạn vì muốn sớm thực hiện tâm nguyện độ sanh mà cầu sanh nước kia, đây chính là phát tâm Đại thừa. Nếu chỉ là toan tính cho cá nhân thì như vậy không vãng sanh được. Điểm này mọi người nhất định phải rõ ràng. Qua đó thấy rằng, nếu người lâm chung không thể niệm, nhưng có tâm độ sanh, có ý muốn vãng sanh, cũng được vãng sanh.

Trong An Lạc Tập nói: Như Lai có phương tiện thù thắng để nhiếp hộ tín tâm của hành nhân, chỉ cần chuyên ý niệm Phật, tùy nguyện đều có thể vãng sanh.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!